

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 9 - 2026

*“Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đào Thị Hậu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Huy Sơn và bà Đàm Thị Thúy.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Cao Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 457/2026/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2026/QĐST - HNGĐ ngày 21/8/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Á, sinh năm 2002; số căn cước công dân: 030302005435; nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố B (nay là tổ dân phố V), phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký tạm trú: G1.08.14 chung cư Evergreen, tổ dân phố Y, phường Nến, tỉnh Bắc Ninh; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố C), phường Chí Linh, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trần Hữu Q, sinh năm 1990; số căn cước công dân: 030090014728; nơi ĐKTT và cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố B (nay là tổ dân phố V), phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Nguyên đơn chị Bùi Thị Á trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Trần Hữu Q đăng ký kết hôn ngày 06/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng) trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống với nhau tại thôn B, xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố B, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng). Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2023

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mặt khác, anh Q không chịu khó làm ăn, còn mải chơi, không quan tâm đến gia đình và không tôn trọng ý kiến của chị. Từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã làm ảnh hưởng xấu đến tình cảm vợ chồng. Đến đầu năm 2024 vợ chồng mâu thuẫn càng thẳng và ly thân. Mặc dù hai bên gia đình cũng thường xuyên động viên để hai vợ chồng hàn gắn nhưng anh Q không thay đổi, bản thân chị không thể sống theo ý của anh Q nên anh chị không hàn gắn được. Chị bỏ về nhà bố mẹ để ở tổ dân phố Đ, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố Đ, phường Chí Linh, thành phố Hải Phòng) sống. Trong thời gian ly thân, anh chị không quan tâm đến nhau. Sau đó, đến năm 2025 chị được biết anh Q có đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, nhưng chị không biết anh Q đi nước nào, anh Q không liên lạc gì với chị. Đến khoảng cuối năm 2025 anh Q liên lạc với chị qua điện thoại để hỏi han về sức khỏe con cái, ngoài ra vợ chồng không trao đổi quan tâm gì nhau. Chị có hỏi địa chỉ và số điện thoại liên lạc nhưng anh Q không cung cấp thông tin cho chị và cũng chỉ có anh Q liên hệ qua zalo với chị được còn chị không liên lạc được với anh Q. Anh chị vẫn nhiều lần cãi vã qua điện thoại do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q không gửi tiền cho chị lo công việc gia đình. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng đoàn tụ. Do vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hữu Q.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Q có một con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 14/10/2022, hiện nay đang sống cùng chị. Chị đề nghị Tòa án giao cho chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và chị tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện nay chị đang là lao động tự do, thu nhập từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/ tháng, đủ khả năng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Trần Hữu Q đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến làm việc và được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc.

- Theo công văn số 4831/XNC - Đ1 ngày 06/7/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng thể hiện: Anh Trần Hữu Q xuất cảnh gần nhất ngày 03/4/2026 qua cửa khẩu SBQT Nội Bài, không có thông tin nhập cảnh trở lại.

- Theo giấy xác nhận thông tin về cư trú thể hiện: Anh Trần Hữu Q hiện đang đăng ký thường trú tại: Tổ dân phố B (nay là V), phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng.

- Theo xác minh tại tổ dân phố V, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng: Anh Q và chị Á kết hôn với nhau năm 2022. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương. Sau một thời gian thì chị Á đi nước ngoài, còn anh Q sau một thời gian tiếp theo cũng đi nước ngoài. Thời gian gần đây anh Q có về nước thăm bố mẹ được ít ngày rồi lại đi nước ngoài, chị Á cũng về nước nhưng không về sống cùng anh Q. Chị Á làm đơn xin ly hôn anh Q không qua hòa giải tại cơ sở nên địa phương không nắm được. Chị Á và anh Q có 01 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 14/10/2022, hiện đang sống cùng chị Á.

- Người làm chứng là ông Trần Hữu Q1 trình bày: Ông là bố đẻ của anh Q. Anh Q và chị Á tự nguyện kết hôn năm 2022 và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng vợ chồng ông tại địa phương. Đến cuối năm 2023 chị Á đi lao động ở nước ngoài. Khoảng 06 tháng sau thì anh Q cũng đi lao động ở nước ngoài. Đến tháng 02/2026 chị Á và anh Q về nước nhưng chị Á về nhà bố mẹ đẻ, còn anh Q về nhà ông sống, hai bên không sống cùng nhau. Anh Q có nói chuyện với ông về việc anh chị đang mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về tình cảm. Đến tháng 4/2026 anh Q lại đi lao động ở nước ngoài. Hiện nay gia đình ông và anh Q vẫn liên lạc với nhau qua zalo, nhưng anh Q không cung cấp thông tin số điện thoại và địa chỉ ở nước ngoài cho gia đình. Hiện nay anh Q đã biết việc chị Á nộp đơn xin ly hôn anh Q tại Tòa án. Anh Q có quan điểm đồng ý ly hôn chị Á vì vợ chồng không còn tình cảm, không tin tưởng nhau, nhưng do công việc của anh ở nước ngoài bận nên không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn được, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh Q. Chị Á và anh Q có 01 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 14/10/2022, hiện đang sống cùng chị Á. Anh Q hiện đang ở nước ngoài nhưng mong muốn được nuôi dưỡng con chung. Nếu chị Á xin nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

- Tại phiên tòa:

Chị Bùi Thị Á vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Hữu Q vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là

chị Bùi Thị Á, cho chị Bùi Thị Á được ly hôn anh Trần Hữu Q. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 14/10/2022 cho chị Á được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Á tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị Á phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Tòa án thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, bị đơn là anh Trần Hữu Q có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại: Tổ dân phố B (nay là tổ dân phố V), phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải – đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Nguyên đơn là chị Bùi Thị Á vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trần Hữu Q 02 lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Á và anh Q.

#### **[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:**

Chị Á và anh Q kết hôn với nhau ngày 06/5/2022, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng) nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy quá trình chung sống giữa chị Á và anh Q có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau. Chị Á giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Q, còn anh Q hiện không có mặt ở địa phương, không có quan điểm gửi cho Tòa án. Việc anh chị không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; không sống chung với nhau đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Á được ly hôn anh Q.

Về quan hệ con chung: Chị Á và anh Q có 01 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 14/10/2022, hiện đang sống cùng chị Á. Xét thấy cháu N vẫn còn nhỏ, hiện nay vẫn do chị Á trực tiếp nuôi dưỡng, chị Á có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Q hiện vẫn đang ở nước ngoài, nên cần giao con chung cho chị Á được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng mới đảm bảo được điều kiện

sinh hoạt và học tập tốt hơn cho cháu N. Chị Á tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, anh Q không có ý kiến gì nên cần chấp nhận.

Về quan hệ tài sản: Chị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Q không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Á là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải – đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 4 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bùi Thị Á, cho chị Bùi Thị Á được ly hôn anh Trần Hữu Q.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 14/10/2022 cho chị Bùi Thị Á được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Á tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh Trần Hữu Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Á phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Á đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E số: 0006712 ngày 02/6/2026 của Thị hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Á đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Phòng GDKT, TT & THA Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Trần Hưng Đạo; TP Hải Phòng (đăng ký số 15 /2022 ngày 06/5/2022 tại UBND xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hậu**